TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC LINH** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 106/2022/HN&GĐ-ST
Ngày: 29/9/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Hoàng Phúc.
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Nga.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Văn Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Tốt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường, vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 358/2022/TLST-HN&GĐ, ngày 25 tháng 7 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2022/QĐXXST-HN&GĐ, ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 113/2022/QĐST- HN&GĐ, ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị NTT, sinh năm: 1996;

Nơi cư trú: Số A, tổ A1, thôn A2, xã SN, huyện ĐL, tỉnh BT.

2. Bị đơn: Anh TVQ, sinh năm: 1993;

Nơi cư trú: Số B, đường NAN, khu phố B1, thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT.

Tại phiên tòa nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" lập ngày 13/7/2022 cùng các bản tự khai, chứng cứ khác của chị NTT có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Về hôn nhân: Chị và anh TVQ tự nguyên tìm hiểu, yêu thương nhau rồi đi đến kết hôn năm 2017, đăng ký kêt hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 155/2017, ngày 09/11/2017. Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị và anh Q đã ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương lẫn nhau nữa, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Chị xác định không con tình cảm yêu thương, quý trọng đối với anh Q nữa. Nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Q có với nhau 01 người con chung tên là TĐK, sinh ngày 03/01/2018. Khi ly hôn chị yêu cầu được là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không tranh chấp và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng vụ án cũng như thời gian mở phiên tòa, bị đơn – anh TVQ không tham gia, mặc dù Tòa án đã nhiều lần tống đạt, niêm yết hợp lệ các loại văn bản tố tụng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL phát biểu ý kiến như sau:

Việc tuân thủ theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, thư ký đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng, bị đơn không thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quan điểm về giải quyết vụ án: Xét thấy, chị T không còn tình cảm vợ chồng với anh Q. Mục đích hôn nhân không đạt được, chị T yêu cầu ly hôn nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho ly hôn.

Về con chung: Vì anh Q không có ý kiến gì về việc nuôi con, mặc khác cháu TĐK, sinh ngày 03/01/2018, hiện nay đang còn nhỏ, rất cần sự quan tâm,

chăm lo của mẹ, chị T tự nguyện tiếp tục nuôi dưỡng cháu nên giao cháu K cho chị T nuôi dưỡng là hợp lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" lập ngày 13/7/2022, Toà án xác định đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, bị đơn có địa chỉ và nơi cư trú rõ ràng trên địa bàn huyện ĐL, tỉnh BT nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện ĐL theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh TVQ mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Q đều vắng mặt không có lý do. Tuy nhiên, anh Q là trường hợp được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2. Do đó, căn cứ vào quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 238 BLTTDS, Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn tại phiên tòa.

[4] Về hôn nhân: Chị NTT và anh TVQ tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau và đi đến kết hôn năm 2017, có đăng ký kêt hôn tại UBND thị trấn VX, huyện ĐL, tỉnh BT, giấy chứng nhận kết hôn số: 155/2017, ngày 09/11/2017. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Tuy nhiên, Sau ngày cưới, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh Q thường xuyên vắng nhà, không quan tâm đến kinh tế gia đình, chăm lo vợ con cho nên dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Trong quá trình tố tụng, Tòa án cũng đã tổ chức nhiều phiên hòa giải, nhằm hàn gắn cho anh chị về sống đoàn tụ với nhau, nhưng anh Q không tham gia, kết quả hòa giải không thành. Chị T xác định không còn tình cảm yêu thương gì với anh Q nữa, chị nhất định yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Mặc khác chị và anh Q đã ly thân từ năm 2019 đến nay, vợ chồng không còn quan tâm, yêu

thương lẫn nhau nữa, ai cũng có cuộc sống của riêng mình. Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa chị T với anh Q đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Cho nên Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu giải quyết ly hôn của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị với anh Q có với nhau 01 người con chung tên là TĐK, sinh ngày 03/01/2018, cháu hiện đang sống chung với chị T. Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, chị T yêu cầu giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng người con chung cho đến khi cháu trưởng thành.

Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của chị T là yêu cầu hoàn toàn chính đáng, không trái với quy định của pháp luật. Hiện cháu TĐK đang sống với chị T ổn định và tuổi còn rất nhỏ, cháu đang ở độ tuổi cần sự chăm sóc chu đáo của người mẹ. Do vậy, thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ĐL tại phiên tòa.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Chị NTT không có yêu cầu nên HĐXX không không xem xét trong bản án này.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Chị NTT không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến trong bản án này.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T là người phải chịu án phí sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

[9] Về áp dụng án lệ: Vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con giữa chị NTT và anh TVQ là vụ án Hôn nhân và Gia đình. Theo đơn khởi kiện của chị T thì Tòa án xem xét giải quyết quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định của luật Hôn nhân và Gia đình. Nghiên cứu tất cả án lệ do Tòa án nhân dân tối cao công bố, không có vụ án nào tương tự như vụ án đang được xét xử. Vì vậy, HĐXX không áp dụng án lệ mà chỉ căn cứ vào quy định của pháp luật để giải quyết vụ án.

[10] Xét ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và phù hợp với nội dung vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 8, 9, 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị NTT.

1. Về hôn nhân: Chị NTT ly hôn anh TVQ.

2. Về con chung: Giao cho chị NTT trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung có tên: TĐK, sinh ngày 03/01/2018.

Anh TVQ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp anh Q lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh Q.

Chị NTT trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh TVQ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí: Chị NTT phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được tính trừ vào số tiền tạm ứng án phí do chị đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0012362, ngày 25/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ĐL. Chị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. (đã giải thích).

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thị hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, sửa đổi bổ sung năm

2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án cùng cấp;
- UBND thị trấn Võ Xu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Đức

-
-

Xong- xem lại điều luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**